

Số: 5791 /HD-YT-BHXXH

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019

HƯỚNG DẪN

**Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Thực hiện Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;

Thực hiện Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều Luật bảo hiểm y tế;

Thực hiện Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (Thông tư số 40/2015/TT-BYT);

Thực hiện Quyết định số 1399/QĐ-BHXXH ngày 22/12/2014 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXXH) Việt Nam Ban hành quy định về tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế trong khám bệnh, chữa bệnh;

Thực hiện Công văn số 4239/BHXXH-CSYT ngày 02/11/2015 của BHXXH Việt Nam về việc tổ chức thực hiện đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu cho người tham gia bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh;

Căn cứ Quy chế phối hợp Liên ngành Y tế - Bảo hiểm xã hội số 411/LN-YT-BHXXH ngày 12/02/2010 của Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội Thành phố về hoạt động thực hiện chính sách, pháp luật bảo hiểm y tế;

Liên ngành Sở Y tế Hà Nội - BHXXH thành phố Hà Nội hướng dẫn đăng ký khám chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) ban đầu (sau đây gọi chung là KCB ban đầu), quy định số lượng thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB năm 2020 như sau:

1. Phân tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT

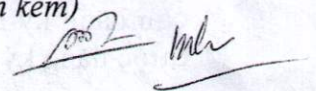
Được chia làm 4 tuyến như sau:

- Tuyến 1: Tuyến Trung ương và tương đương
- Tuyến 2: Tuyến tỉnh và tương đương
- Tuyến 3: Tuyến huyện và tương đương
- Tuyến 4: Tuyến xã và tương đương

2. Đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyến xã và tương đương, tuyến huyện và tương đương:

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 40/2015/TT-BYT. Người tham gia BHYT được quyền đăng ký KCB ban đầu tại một trong các cơ sở KCB tuyến xã, tuyến huyện không phân biệt địa giới hành chính, phù hợp với nơi làm việc, nơi cư trú và khả năng đáp ứng của cơ sở KCB.

(Danh sách các cơ sở KCB theo Phụ lục số 01 đính kèm)



Riêng đối với các Trạm y tế (TYT) xã, phường, thị trấn: số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu theo nhu cầu của người tham gia BHYT.

3. Đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyến tỉnh và tương đương, tuyến trung ương và tương đương:

3.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 40/2015/TT-BYT. Người tham gia BHYT được đăng ký KCB BHYT ban đầu tại một trong các cơ sở KCB tuyến tỉnh, tuyến Trung ương nơi thường trú, tạm trú có thời hạn hoặc làm việc trên địa bàn thuộc quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là huyện) khi các cơ sở KCB BHYT có số lượng thẻ chưa vượt quá số lượng thẻ quy định tại Phụ lục số 02.

Riêng đối với Bệnh viện Lão khoa Trung ương: Tạm thời tiếp nhận khám chữa bệnh ban đầu cho đối tượng người cao tuổi mắc bệnh Parkinson, Alzheimer với số thẻ không vượt quá số thẻ quy định.

(Danh sách cơ sở KCB theo Phụ lục số 02 đính kèm)

3.2. Người tham gia BHYT được đăng ký KCB ban đầu tại một trong các cơ sở KCB tại Mục 2, Điểm 3.1 Mục 3 nêu trên và được đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB khác trong các trường hợp sau:

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe theo Hướng dẫn số 52/HD/BTCTW ngày 02/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng (đã được Bệnh viện Hữu Nghị cấp sổ khám bệnh) được đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Hữu Nghị.

- Đối tượng người công tác trong quân đội khi nghỉ hưu và đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe theo Hướng dẫn số 52/HD/BTCTW ngày 02/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng được đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Quân y 103, Bệnh viện Quân y 354, Bệnh viện Quân y 105, Viện Y học cổ truyền Quân đội, Viện Y học Phòng không - không quân.

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe cán bộ của Thành phố (đã được Ban Bảo vệ sức khỏe Thành phố hoặc Sở Y tế cấp sổ khám bệnh) được đăng ký KCB ban đầu tại các phòng khám A thuộc các bệnh viện trong thành phố (Theo quyết định 7045/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội).

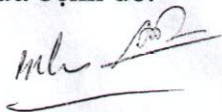
(Danh sách cơ sở KCB theo Phụ lục số 03 đính kèm).

- Đối tượng người có Công với Cách mạng, người từ đủ 80 tuổi trở lên được đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB được quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7 và 9 Điều 5, các khoản 1,2 và 4 Điều 6 Thông tư số 40/2015/TT-BYT.

- Trẻ em dưới 6 tuổi được đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB được quy định tại khoản 1,2,4 và 5 Điều 5 Thông tư số 40/2015/TT-BYT.

3.3. Trường hợp vượt số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyến tỉnh và tương đương, tuyến trung ương và tương đương thì thực hiện như sau:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu: Nếu có nhu cầu đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại bệnh viện trước khi nghỉ hưu thì tiếp tục được đăng ký khám chữa bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh đó.



Ưu tiên các đối tượng người có công trước Cách mạng Tháng 8, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Thương bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (mã quyền lợi 1) được đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại các cơ sở khám chữa bệnh trên cùng địa bàn nơi cư trú có số lượng thẻ vượt quy định.

- Đối với đối tượng hưu trí thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam:

Đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, bệnh viện Quân y 103, bao gồm: Cán bộ sỹ quan trước khi nghỉ hưu đã đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện; Cán bộ sỹ quan từ Thượng tá trở lên khi nghỉ hưu nếu có nguyện vọng.

Đăng ký KCB BHYT ban đầu tại các bệnh viện quân đội khác: các đối tượng quân đội nghỉ hưu nếu có nguyện vọng, phù hợp với địa bàn.

- Đối với đối tượng hưu trí thuộc Công an nhân dân: Cán bộ sỹ quan từ Thượng tá trở lên, khi nghỉ hưu đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện 19-8 hoặc Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công an nếu có nguyện vọng, phù hợp với địa bàn.

4. Đăng ký KCB ban đầu tại các y tế cơ quan, đơn vị, trường học:

Chỉ nhận đăng ký KCB ban đầu cho đối tượng thuộc cơ quan, đơn vị, trường học quản lý.

(Danh sách cơ sở KCB theo Phụ lục số 04 đính kèm).

5. Một số căn cứ liên quan để phân bổ thẻ khám chữa bệnh ban đầu:

- Căn cứ đặc điểm của tổ chức hệ thống y tế trên địa bàn, khả năng cung cấp dịch vụ y tế của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Căn cứ số lượng thẻ thực tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tính đến 30/11/2019.

- Căn cứ kết quả thực hiện, giám sát việc tuân thủ Luật khám bệnh, chữa bệnh; Luật BHYT của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Đối với các Trạm y tế xã, phường, thị trấn: Không giới hạn số lượng thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu.

6. Tổ chức thực hiện:

6.1. Đối với Sở Y tế:

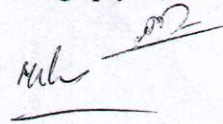
- Chủ trì và phối hợp với BHXH thành phố Hà Nội hướng dẫn người tham gia BHYT đăng ký KCB BHYT ban đầu tại các cơ sở KCB BHYT phù hợp, đúng quy định.

- Hướng dẫn các cơ sở KCB BHYT tổ chức thực hiện khám bệnh, chữa bệnh để đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT theo quy định.

- Sở Y tế Hà Nội phối hợp với BHXH thành phố hướng dẫn giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

6.2. Đối với BHXH thành phố Hà Nội:

- BHXH thành phố phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn người tham gia BHYT đăng ký KCB BHYT ban đầu tại các cơ sở KCB BHYT phù hợp, đúng quy định.



- Hàng quý thông báo số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu tại từng cơ sở KCB BHYT để BHXH các quận, huyện, thị xã hướng dẫn người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu.

- BHXH thành phố phối hợp với Sở Y tế Hà Nội hướng dẫn, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

6.3. Đối với các cơ sở KCB BHYT:

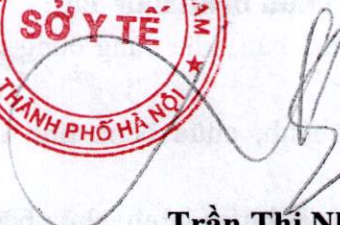
- Tổ chức thực hiện khám bệnh, chữa bệnh và đảm bảo quyền lợi đối với người tham gia BHYT theo quy định.

- Điều phối, bố trí nhân lực, số bàn khám để bảo đảm chất lượng khám chữa bệnh cho người tham gia BHYT.

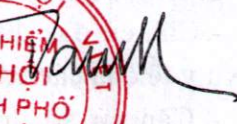
Trên đây là Hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời báo cáo về Liên ngành Sở Y Tế - BHXH thành phố Hà Nội để thống nhất xem xét, giải quyết./.

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Trần Thị Nhị Hà

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP PHỐ HÀ NỘI
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Đàm Thị Hòa

Nơi nhận:

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (để b/cáo);
- UBND Thành phố Hà Nội (để b/c);
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Giám đốc: Sở Y tế, BHXH Thành phố (để b/cáo);
- Các Phó Giám đốc BHXH TP (để chỉ đạo);
- Các phòng nghiệp vụ BHXH TP Hà Nội (để t/hiện);
- BHXH các quận, huyện, thị xã (để t/hiện);
- Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế: NVY, TCKT (để t/hiện);
- Cổng thông tin điện tử BHXH Thành phố Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế Hà Nội;
- Lưu: VT SYT, VT BHXH (06 bản).

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KCB BHYT BAN ĐẦU TUYỂN XÃ, TUYỂN HUYỆN

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn Liên ngành số 5791./HD-YT-BHXH ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Sở Y tế và BHXH TP Hà Nội)

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
1	2	3	4	5	6	7
I	QUẬN ĐỒNG ĐA					
1	01-267	Bệnh viện đa khoa Bảo Sơn 2 (thuộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Bảo Sơn)*	52 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa	2,800		3
2	01-234	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hà Thành*	61 Vũ Thạnh, Đống Đa	800		3
3	01-150	Công ty cổ phần Bệnh viện Đông Đô*	Số 5 phố Xã Đàn, Đống Đa	4,000		3
4	01-035	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hồng Hà (Công ty CP kinh doanh và điều trị Y tế Đức Kiên)	16 Nguyễn Như Đồ, Văn Miếu Đống Đa	800		3
5	01-020	PK 107 Tôn Đức Thắng (PK1- TTYT quận Đống Đa)	107 Tôn Đức Thắng, Đống Đa	57,000		3
6	01-021	PKĐK Kim Liên (PK3- TTYT quận Đống Đa)	B20A, Tập thể Kim Liên, Đống Đa	9,000		3
7	01-064	PKĐK số 2 (TTYT quận Đống Đa)	Ngõ 122 Đường Láng, Đống Đa	6,000		3
8	01-042	Công ty TNHH KCB & tư vấn sức khỏe Ngọc Khánh*	211 phố Chùa Láng, Đống Đa	2,000		3
9	01-940	Phòng khám đa khoa trực thuộc Công ty cổ phần Y tế- Khám chữa bệnh Việt Nam*	70 Nguyễn Chí Thanh	1,900		3
10	01-082	Bệnh viện đa khoa tư nhân Trảng An	59 ngõ Thông Phong, Tôn Đức Thắng, Đống Đa	7,000	nhận đối tượng trên 15 tuổi	
II	QUẬN HOÀNG MAI					
1	01-030	PKĐK Linh Nam (TTYT quận Hoàng Mai)	Phường Linh Nam	55,000		3
2	01-045	PKĐK Linh Đàm (TTYT quận Hoàng Mai)	Linh Đàm	55,000		3
3	01-D51	TYT Phường Thanh Trì (TTYT Hoàng Mai)	Phường Thanh Trì			4
4	01-D53	TYT Phường Định Công (TTYT Hoàng Mai)	Phường Định Công			4
5	01-D62	TYT Phường Trần Phú (TTYT Hoàng Mai)	Phường Trần Phú			4
III	QUẬN BA ĐÌNH					
1	01-191	Bệnh viện đa khoa MEDLATEC*	Số 42-44 Nghĩa Dũng, Phúc Xá	18,500		3
2	01-933	Bệnh viện đa khoa Hồng Ngọc*	97 Nguyễn Trường Tộ	18,300		3
3	01-059	PKĐK 50 Hàng Bún (TTYT quận Ba Đình)	50 Hàng Bún	15,100		3

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
4	01-044	TTYT MT lao động công thương	99 Văn Cao	4,400	Nhận đối tượng trên 15 tuổi	3
IV	QUẬN CẦU GIẤY					
1	01-073	PKĐKKV Nghĩa Tân (TTYT quận Cầu Giấy)	117 A15 Nghĩa Tân	20,000		3
2	01-078	PKĐKKV Yên Hoà (TTYT quận Cầu Giấy)	Tổ 49 P. Yên Hoà	40,000		3
3	01-269	PKĐK Quốc tế Thu Cúc	216 Trần Duy Hưng, Trung Hòa	300		3
4	01-C01	TYT Phường Nghĩa Đô (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Nghĩa Đô			4
5	01-C02	TYT Phường Nghĩa Tân (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Nghĩa Tân			4
6	01-C03	TYT Phường Mai Dịch (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Mai Dịch			4
7	01-C04	TYT Phường Dịch Vọng (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Dịch Vọng			4
8	01-C05	TYT Phường Quan Hoa (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Quan Hoa			4
9	01-C06	TYT Phường Yên Hoà (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Yên Hoà			4
10	01-C07	TYT Phường Trung Hoà (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Trung Hoà			4
11	01-C08	TYT Phường Dịch Vọng Hậu (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Dịch Vọng Hậu			4
V	QUẬN HAI BÀ TRUNG					
1	01-126	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hà Nội*	29 Hàn Thuyên, Hai Bà Trưng	1,200		3
2	01-206	Bệnh viện đa khoa Hồng Phát*	219 Lê Duẩn, P. Nguyễn Du	2,700		3
3	01-024	PKĐK 103 Bà Triệu (TTYT quận Hai Bà Trưng)	103 Bà Triệu	22,000		3
4	01-070	PKĐK Mai Hương (TTYT quận Hai Bà Trưng)	A1 ngõ Mai Hương	21,000		3
5	01-096	Công ty cổ phần Công nghệ y học Hồng Đức (PKĐK Việt Hàn *)	Số 9 Ngõ Thị Nhậm	13,900		3
6	01-224	PKĐK Dr Bình Tele- Clinic*	Số 11-13-15 Phố Trần Xuân Soạn - Phường Ngõ Thị Nhậm	8,800		3
VI	QUẬN HOÀN KIẾM					
1	01-022	PKĐK 26 Lương Ngọc Quyến (TTYT quận Hoàn Kiếm)	26 Lương Ngọc Quyến	16,000		3
2	01-057	PKĐK 21 Phan Chu Trinh (TTYT quận Hoàn Kiếm)	21 Phan Chu Trinh	20,200		3
3	01-076	Phòng khám Bác sĩ gia đình	50 C Hàng Bài	6,000		3
4	01-081	Trung tâm cấp cứu 115 (PK 11 Phan Chu Trinh)	11 Phan Chu Trinh	23,000		3
VII	QUẬN THANH XUÂN					
1	01-235	Bệnh viện đa khoa An Việt*	Số 1E Trường Chinh, Phương Liệt, T. Xuân	700		3
2	01-074	Phòng khám TTYT Quận Thanh Xuân	Ngõ 282 Khương Đình	32,000		3

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
3	01-361	Phòng khám 182 Lương Thế Vinh (Thuộc BV Đại học Quốc Gia)	182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân	40,400		3
VIII QUẬN LONG BIÊN						
1	01-249	Bệnh viện ĐK Quốc tế Bắc Hà *	137 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	2,200		3
2	01-250	Bệnh viện đa khoa Tâm Anh *	108 Hoàng Như Tiếp, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	4,300		3
3	01-054	PKĐK GTVT Gia Lâm	481 Ngọc Lâm	17,300	Nhận đối tượng trên 6 tuổi	3
4	01-067	PKĐK Sài Đồng (TTYT q.Long Biên)	Thị trấn Sài Đồng	12,000		3
5	01-092	PKĐK trung tâm (TTYT q.Long Biên)	20 Quân Chính - P. Ngọc Lâm	25,000		3
6	01-218	PKĐK Bồ Đề (TTYT q.Long Biên)	Số 99 - Phố Bồ Đề	5,000		3
7	01-B51	TYT phường Thượng Thanh (TTYT q.Long Biên)	Tổ 10 Phường Thượng Thanh			4
8	01-B52	TYT phường Ngọc Thụy (TTYT q.Long Biên)	Tổ 17 Phường Ngọc Thụy			4
9	01-B53	TYT phường Giang Biên (TTYT q.Long Biên)	Tổ 5 Phường Giang Biên			4
10	01-B54	TYT phường Đức Giang (TTYT q.Long Biên)	Phố Trường Lâm, Phường Đức Giang			4
11	01-B55	TYT phường Việt Hưng (TTYTq. Long Biên)	Số 83/39 Phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng			4
12	01-B56	TYT phường Gia Thụy (TTYT q. Long Biên)	Ngõ 562 Phố Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy			4
13	01-B57	TYT phường Ngọc Lâm (TTYT q.Long Biên)	Số 20/298 Phố Ngọc Lâm			4
14	01-B58	TYT phường Phúc Lợi (TTYT q.Long Biên)	Tổ 9 Phường Phúc Lợi			4
15	01-B59	TYT phường Bồ Đề (TTYT q.Long Biên)	Phường Bồ Đề			4
16	01-B60	TYT phường Sài Đồng (TTYT q.Long Biên)	Số 2/557 Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng			4
17	01-B61	TYT phường Long Biên (TTYT q.Long Biên)	Tổ 13 Phường Long Biên			4
18	01-B62	TYT phường Thạch Bàn (TTYT q. Long Biên)	Phường Thạch Bàn			4
19	01-B63	TYT phường Phúc Đồng (TTYT q. Long Biên)	Số 159 Phố Tân Thụy, Phường Phúc Đồng			4
20	01-B64	TYT phường Cự Khối (TTYT q. Long Biên)	Tổ 9 Phường Cự Khối			4
IX QUẬN TÂY HỒ						
1	01-023	PKĐK 124 Hoàng Hoa Thám	124 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ	6,000		3
2	01-066	PK 695 Lạc Long Quân	695 Lạc Long Quân	8,000		3

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hưởng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
3	01-941	PKĐK Minh Ngọc*	517 Lạc Long Quân	200		3
4	01-B01	TYT Phường Phú Thượng (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Phú Thượng			4
5	01-B02	TYT Phường Nhật Tân (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Nhật Tân			4
6	01-B03	TYT Phường Tứ Liên (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Tứ Liên			4
7	01-B04	TYT Phường Quảng An (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Quảng An			4
8	01-B05	TYT Phường Xuân La (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Xuân La			4
9	01-B06	TYT Phường Yên Phụ (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Yên Phụ			4
10	01-B07	TYT Phường Bưởi (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Bưởi			4
11	01-B08	TYT Phường Thụy Khuê (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Thụy Khuê			4
X	QUẬN HÀ ĐÔNG					
1	01-041	Bệnh viện ĐK tư nhân 16A Hà Đông (Công ty TNHH ITV 16A)*	Lô đất 150 khu dân dân Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông	4,300		3
2	01-094	Bệnh viện đa khoa tư nhân Thiên Đức (Công ty TNHH một thành viên Bệnh viện Thiên Đức)*	207 Phùng Hưng	3,100		3
3	01-832	PKĐKKV Trung Tâm (TTYT quận Hà Đông)	57 Tô Hiệu	50,000		3
4	01-079	PKĐKKV Phú Lương (TTYT quận Hà Đông)	Phường Phú Lương	2,000		3
5	01-H09	TYT Xã Yên Nghĩa (TTYT q. Hà Đông)	Xã Yên Nghĩa			4
6	01-H11	TYT Xã Phú Lãm (TTYT q. Hà Đông)	Xã Phú Lãm			4
7	01-H12	TYT Xã Phú Lương (TTYT q. Hà Đông)	Xã Phú Lương			4
8	01-H13	TYT Xã Dương Nội (TTYT q. Hà Đông)	Xã Dương Nội			4
XI	QUẬN NAM TỪ LIÊM					
1	01-091	PKĐK Cầu Diễn (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Cầu Diễn	25,000		3
2	01-208	PKĐK trực thuộc Công ty cổ phần Trung tâm Bác sỹ gia đình Hà Nội*	Số 75 đường Hồ Mễ Trì, P. Trung Văn	2,300		3
3	01-G13	TYT Phường Tây Mỗ (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Tây Mỗ			4
4	01-G14	TYT Phường Mễ Trì (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Mễ Trì			4
5	01-G15	TYT Phường Đại Mỗ (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Đại Mỗ			4
6	01-231	TYT Phường Phương Canh	Phường Phương Canh			4
7	01-232	TYT Phường Mỹ Đình 2	Phường Mỹ Đình 2			4
8	01-G12	TYT Phường Mỹ Đình 1 (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Tổ 13 Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
9	01-G16	TYT phường Trung Văn (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Trung Văn			4
10	01-G11	TYT Phường Xuân Phương (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Xuân Phương			4
11	01-G01	TYT Phường Cầu Diễn (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Cầu Diễn			4
12	01- 222	TYT Phường Phú Đô (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Phú Đô			4
XII	QUẬN BẮC TỪ LIÊM					
1	01-258	Bệnh viện đa khoa Phương Đông*	Số 9 Phố Viên, Cổ Nhuế	2,900		3
2	01-083	PKĐK khu vực Chèm (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Thụy Phương	15,000		3
3	01-251	PKĐK Trường Đại học Y Tế công cộng	1A đường Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm	15,400		3
4	01-G02	TYT Phường Thượng Cát (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Thượng Cát			4
5	01-G03	TYT Phường Liên Mạc (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Liên Mạc			4
6	01-G04	TYT Phường Đông Ngạc (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Đông Ngạc			4
7	01-G05	TYT Phường Thụy Phương (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Thụy Phương			4
8	01-G06	TYT Phường Tây Tựu (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Tây Tựu			4
9	01-G07	TYT Phường Xuân Đình (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Xuân Đình			4
10	01-G08	TYT Phường Minh Khai (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Minh Khai			4
11	01-G09	TYT Phường Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1			4
12	01-G10	TYT Phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn			4
13	01-229	TYT Phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế			4
14	01-230	TYT Phường Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn			4
XIII	THỊ XÃ SƠN TÂY					
1	01-242	PKĐK Lê Lợi (TTYT Thị xã Sơn Tây)	Số 1 Lê Lợi	5,000		3
2	01-H56	TYT Phường Xuân Khanh (TTYT TX Sơn Tây)	Phường Xuân Khanh			4
3	01-H57	TYT Xã Đường Lâm (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Đường Lâm			4
4	01-H58	TYT Xã Viên Sơn (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Viên Sơn			4
5	01-H59	TYT Xã Xuân Sơn (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Xuân Sơn			4
6	01-H61	TYT Xã Thanh Mỹ (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Thanh Mỹ			4
7	01-H63	TYT Xã Kim Sơn (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Kim Sơn			4
8	01-H64	TYT Xã Sơn Đông (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Sơn Đông			4
9	01-H65	TYT Xã Cồ Đông (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Cồ Đông			4
XIV	HUYỆN ĐÔNG ANH					
1	01-084	PKĐK Miền Đông (TTYT huyện Đông Anh)	Xã Liên Hà	10,000		3

nh *gnt*

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
2	01-085	PKĐK Khu Vực I (TTYT huyện Đông Anh)	Xã Kim Chung	5,000		3
3	01-233	PKĐK thuộc Cty TNHH Hoàng Ngân*	Kim Nỗ	400		3
4	01-146	PKĐK Nam Hồng*	Số 4 Khu Cầu Lớn, Nam Hồng	2,200		3
5	01-F01	TYT thị trấn Đông Anh (TTYT h.Đông Anh)	Thị trấn Đông Anh			4
6	01-F02	TYT xã Xuân Nộn (TTYT h.Đông Anh)	Xã Xuân Nộn			4
7	01-F03	TYT xã Thụy Lâm (TTYT h.Đông Anh)	Xã Thụy Lâm			4
8	01-F04	TYT xã Bắc Hồng (TTYT h.Đông Anh)	Xã Bắc Hồng			4
9	01-F05	TYT xã Nguyên Khê (TTYT h.Đông Anh)	Xã Nguyên Khê			4
10	01-F06	TYT xã Nam Hồng (TTYT h.Đông Anh)	Xã Nam Hồng			4
11	01-F07	TYT xã Tiên Dương (TTYT h.Đông Anh)	Xã Tiên Dương			4
12	01-F08	TYT xã Vân Hà (TTYT h.Đông Anh)	Xã Vân Hà			4
13	01-F09	TYT xã Uy Nỗ (TTYT h.Đông Anh)	Xã Uy Nỗ			4
14	01-F10	TYT xã Vân Nội (TTYT h.Đông Anh)	Xã Vân Nội			4
15	01-F11	TYT xã Liên Hà (TTYTh.Đông Anh)	Xã Liên Hà			4
16	01-F12	TYT xã Việt Hùng (TTYTh.Đông Anh)	Xã Việt Hùng			4
17	01-F13	TYT xã Kim Nỗ (TTYT h.Đông Anh)	Xã Kim Nỗ			4
18	01-F14	TYT xã Kim Chung (TTYT h.Đông Anh)	Xã Kim Chung			4
19	01-F15	TYT xã Dục Tú (TTYT h.Đông Anh)	Xã Dục Tú			4
20	01-F16	TYT xã Đại Mạch (TTYT h.Đông Anh)	Xã Đại Mạch			4
21	01-F17	TYT xã Vĩnh Ngọc (TTYT h.Đông Anh)	Xã Vĩnh Ngọc			4
22	01-F18	TYT xã Cổ Loa (TTYT h.Đông Anh)	Xã Cổ Loa			4
23	01-F19	TYT xã Hải Bối (TTYT h.Đông Anh)	Xã Hải Bối			4
24	01-F20	TYT xã Xuân Canh (TTYT h.Đông Anh)	Xã Xuân Canh			4
25	01-F21	TYT xã Võng La (TTYT h.Đông Anh)	Xã Võng La			4
26	01-F22	TYT xã Tầm Xá (TTYT h.Đông Anh)	Xã Tầm Xá			4
27	01-F23	TYT xã Mai Lâm (TTYT h.Đông Anh)	Xã Mai Lâm			4
28	01-F24	TYT xã Đông Hội (TTYT h.Đông Anh)	Xã Đông Hội			4
XV	HUYỆN SÓC SƠN					
1	01-033	PKĐK Trung Giã (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Trung Giã	6,000		3
2	01-034	PKĐK Kim Anh (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Thanh Xuân	12,000		3
3	01-107	PKĐK Minh Phú (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Minh Phú	12,000		3
4	01-171	PKĐK Xuân Giang (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Xuân Giang	10,000		3
5	01-E51	TYT Thị trấn Sóc Sơn (TTYT H.Sóc Sơn)	Thị trấn Sóc Sơn			4
6	01-E52	TYT xã Bắc Sơn (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Bắc Sơn			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
7	01-E53	TYT xã Minh Trí (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Minh Trí			4
8	01-E54	TYT xã Hồng Kỳ (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Hồng Kỳ			4
9	01-E55	TYT xã Nam Sơn (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Nam Sơn			4
10	01-E56	TYT xã Trung Giã (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Trung Giã			4
11	01-E57	TYT xã Tân Hưng (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Tân Hưng			4
12	01-E58	TYT xã Minh Phú (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Minh Phú			4
13	01-E59	TYT xã Phù Linh (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Phù Linh			4
14	01-E60	TYT xã Bắc Phú (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Bắc Phú			4
15	01-E61	TYT xã Tân Minh (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Tân Minh			4
16	01-E62	TYT xã Quang Tiến (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Quang Tiến			4
17	01-E63	TYT xã Hiền Ninh (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Hiền Ninh			4
18	01-E64	TYT xã Tân Dân (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Tân Dân			4
19	01-E65	TYT xã Tiên Dược (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Tiên Dược			4
20	01-E66	TYT xã Việt Long (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Việt Long			4
21	01-E67	TYT xã Xuân Giang (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Xuân Giang			4
22	01-E68	TYT xã Mai Đình (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Mai Đình			4
23	01-E69	TYT xã Đức Hòa (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Đức Hòa			4
24	01-E70	TYT xã Thanh Xuân (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Thanh Xuân			4
25	01-E71	TYT xã Đông Xuân (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Đông Xuân			4
26	01-E72	TYT xã Kim Lũ (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Kim Lũ			4
27	01-E73	TYT xã Phú Cường (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Phú Cường			4
28	01-E74	TYT xã Phú Minh (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Phú Minh			4
29	01-E75	TYT xã Phù Lỗ (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Phù Lỗ			4
30	01-E76	TYT xã Xuân Thu (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Xuân Thu			4
XVI	HUYỆN THANH TRÌ					
1	01-095	Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Thăng Long*	127 Quốc Bảo, xã Tam Hiệp, Thanh trì	25,000	nhận đối tượng trên 6 tuổi	3
2	01-012	PKĐKKV Đông Mỹ (TTYT huyện Thanh Trì)	Thôn 1B, xã Đông Mỹ	10,000		3
3	01-G51	TYT Thị trấn Văn Điển (TTYT H. Thanh Trì)	Thị trấn Văn Điển			4
4	01-G52	TYT Xã Tân Triều (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Tân Triều			4
5	01-G53	TYT Xã Thanh Liệt (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Thanh Liệt			4
6	01-G54	TYT Xã Tả Thanh Oai (TTYT H. Thanh Trì)	Xã Tả Thanh Oai			4
7	01-G55	TYT Xã Hữu Hoà (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Hữu Hoà			4
8	01-G56	TYT Xã Tam Hiệp (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Tam Hiệp			4
9	01-G57	TYT Xã Tứ Hiệp (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Tứ Hiệp			4
10	01-G58	TYT Xã Yên Mỹ (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Yên Mỹ			4
11	01-G59	TYT Xã Vĩnh Quỳnh (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Vĩnh Quỳnh			4
12	01-G60	TYT Xã Ngũ Hiệp (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Ngũ Hiệp			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
13	01-G61	TYT Xã Duyên Hà (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Duyên Hà			4
14	01-G62	TYT Xã Ngọc Hồi (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Ngọc Hồi			4
15	01-G63	TYT Xã Vạn Phúc (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Vạn Phúc			4
16	01-G64	TYT Xã Đại Áng (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Đại Áng			4
17	01-G65	TYT Xã Liên Ninh (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Liên Ninh			4
XVII	HUYỆN GIA LÂM					
1	01-160	BVĐK huyện Gia Lâm	Thị trấn Trâu Quỳ	66,000		2
2	01-026	PKĐK Yên Viên (TTYT huyện Gia Lâm)	Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên	40,000		3
3	01-027	PKĐK Trâu Quỳ (TTYT huyện Gia Lâm)	1 Ngõ Xuân Quảng - Trâu Quỳ	30,000		3
4	01-093	PKĐK Đa Tốn (TTYT huyện Gia Lâm)	Thuận Tốn - Đa Tốn	25,000		3
XVIII	HUYỆN CHƯƠNG MỸ					
1	01-823	BVĐK huyện Chương Mỹ	120 Hoà Sơn, Thị trấn Chúc Sơn	100,000		2
2	01-100	PKĐKKV Xuân Mai (TTYT huyện Chương Mỹ)	Thị trấn Xuân Mai	5,000		3
3	01-135	PKĐKKV Lương Mỹ (TTYT huyện Chương Mỹ)	Hoàng Văn Thụ	5,000		3
4	01-968	PKĐK trực thuộc Công ty cổ phần Trung Anh*	Thị trấn Xuân Mai	1,800		3
5	01-L01	TYT Thị trấn Chúc Sơn (TTYT h. Chương Mỹ)	Thị trấn Chúc Sơn			4
6	01-L02	TYT Thị trấn Xuân Mai	Thị trấn Xuân Mai			4
7	01-L03	TYT Xã Phụng Châu (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Phụng Châu			4
8	01-L04	TYT Xã Tiên Phương (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Tiên Phương			4
9	01-L05	TYT Xã Đông Sơn (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đông Sơn			4
10	01-L06	TYT Xã Đông Phương Yên (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đông Phương Yên			4
11	01-L07	TYT Xã Phú Nghĩa (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Phú Nghĩa			4
12	01-L08	TYT Xã Trường Yên (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Trường Yên			4
13	01-L09	TYT Xã Ngọc Hòa (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Ngọc Hòa			4
14	01-L10	TYT Xã Thủy Xuân Tiên (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Thủy Xuân Tiên			4
15	01-L11	TYT Xã Thanh Bình (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Thanh Bình			4
16	01-L12	TYT Xã Trung Hòa (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Trung Hòa			4
17	01-L13	TYT Xã Đại Yên (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đại Yên			4
18	01-L14	TYT Xã Thụy Hương (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Thụy Hương			4
19	01-L15	TYT Xã Tốt Động (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Tốt Động			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
20	01-L16	TYT Xã Lam Điền (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Lam Điền			4
21	01-L17	TYT Xã Tân Tiến (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Tân Tiến			4
22	01-L18	TYT Xã Nam Phương Tiến (TTYT Chương Mỹ)	Xã Nam Phương Tiến			4
23	01-L19	TYT Xã Hợp Đồng (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hợp Đồng			4
24	01-L20	TYT Xã Hoàng Văn Thụ (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hoàng Văn Thụ			4
25	01-L21	TYT Xã Hoàng Diệu (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hoàng Diệu			4
26	01-L22	TYT Xã Hữu Văn (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hữu Văn			4
27	01-L23	TYT Xã Quảng Bị (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Quảng Bị			4
28	01-L24	TYT Xã Mỹ Lương (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Mỹ Lương			4
29	01-L25	TYT Xã Thượng Vực (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Thượng Vực			4
30	01-L26	TYT Xã Hồng Phong (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hồng Phong			4
31	01-L27	TYT Xã Đồng Phú (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đồng Phú			4
32	01-L28	TYT Xã Trần Phú (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Trần Phú			4
33	01-L29	TYT Xã Văn Võ (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Văn Võ			4
34	01-L30	TYT Xã Đồng Lạc (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đồng Lạc			4
35	01-L31	TYT Xã Hòa Chính (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hòa Chính			4
36	01-L32	TYT Xã Phú Nam An (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Phú Nam An			4
XIX	HUYỆN THƯỜNG TÍN					
1	01-830	BVĐK huyện Thường Tín	Thị trấn Thường Tín	130,000		2
2	01-017	PKĐK khu vực Tô Hiệu (TTYT huyện Thường Tín)	Xã Tô Hiệu	5,000		3
3	01-M01	TYT Thị trấn Thường Tín (TTYT h. Thường Tín)	Thị trấn Thường Tín			4
4	01-M02	TYT Xã Ninh Sở (TTYT h. Thường Tín)	Xã Ninh Sở			4
5	01-M03	TYT Xã Nhị Khê (TTYT h. Thường Tín)	Xã Nhị Khê			4
6	01-M04	TYT Xã Duyên Thái (TTYT h. Thường Tín)	Xã Duyên Thái			4
7	01-M05	TYT Xã Khánh Hà (TTYT h. Thường Tín)	Xã Khánh Hà			4
8	01-M06	TYT Xã Hòa Bình (TTYT h. Thường Tín)	Xã Hòa Bình			4
9	01-M07	TYT Xã Văn Bình (TTYT h. Thường Tín)	Xã Văn Bình			4
10	01-M08	TYT Xã Hiền Giang (TTYT h. Thường Tín)	Xã Hiền Giang			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
11	01-M09	TYT Xã Hồng Vân (TTYT h. Thường Tín)	Xã Hồng Vân			4
12	01-M10	TYT Xã Vân Tảo (TTYT h. Thường Tín)	Xã Vân Tảo			4
13	01-M11	TYT Xã Liên Phương (TTYT h. Thường Tín)	Xã Liên Phương			4
14	01-M12	TYT Xã Văn Phú (TTYT h. Thường Tín)	Xã Văn Phú			4
15	01-M13	TYT Xã Tự Nhiên (TTYT h. Thường Tín)	Xã Tự Nhiên			4
16	01-M14	TYT Xã Tiền Phong (TTYT h. Thường Tín)	Xã Tiền Phong			4
17	01-M15	TYT Xã Hà Hồi (TTYT h. Thường Tín)	Xã Hà Hồi			4
18	01-M16	TYT Xã Thư Phú (TTYT h. Thường Tín)	Xã Thư Phú			4
19	01-M17	TYT Xã Nguyễn Trãi (TTYT h. Thường Tín)	Xã Nguyễn Trãi			4
20	01-M18	TYT Xã Quất Động (TTYT h. Thường Tín)	Xã Quất Động			4
21	01-M19	TYT Xã Chương Dương (TTYT h. Thường Tín)	Xã Chương Dương			4
22	01-M20	TYT Xã Tân Minh (TTYT h. Thường Tín)	Xã Tân Minh			4
23	01-M21	TYT Xã Lê Lợi (TTYT h. Thường Tín)	Xã Lê Lợi			4
24	01-M22	TYT Xã Thắng Lợi (TTYT h. Thường Tín)	Xã Thắng Lợi			4
25	01-M23	TYT Xã Dũng Tiến (TTYT h. Thường Tín)	Xã Dũng Tiến			4
26	01-M24	TYT Xã Thống Nhất (TTYT h. Thường Tín)	Xã Thống Nhất			4
27	01-M25	TYT Xã Nghiêm Xuyên (TTYT Thường Tín)	Xã Nghiêm Xuyên			4
28	01-M26	TYT Xã Tô Hiệu (TTYT h. Thường Tín)	Xã Tô Hiệu			4
29	01-M27	TYT Xã Văn Tự (TTYT h. Thường Tín)	Xã Văn Tự			4
30	01-M28	TYT Xã Vạn Điểm (TTYT h. Thường Tín)	Xã Vạn Điểm			4
31	01-M29	TYT Xã Minh Cường (TTYT h. Thường Tín)	Xã Minh Cường			4
XX	HUYỆN MÊ LINH					
1	01-099	BVĐK huyện Mê Linh	Xã Đại Thịnh	90,000		2
2	01-971	Khoa khám bệnh cơ sở 2 - BV Giao thông vận tải Vĩnh Phúc	Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, HN	8,000		3
3	01-195	PKĐK Đại Thịnh	Xã Đại Thịnh	5,000		3
4	01-088	PKĐK Thạch Đà (TTYT huyện Mê Linh)	Xã Thạch Đà	10,000		3
5	01-P02	TYT xã Kim Hoa (TTYT h. Mê Linh)	Xã Kim Hoa			4
6	01-P05	TYT xã Tự Lập (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tự Lập			4
7	01-P06	TYT Thị trấn Quang Minh (TTYT h. Mê Linh)	Thị trấn Quang Minh			4
8	01-P08	TYT xã Tam Đồng (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tam Đồng			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
9	01-P10	TYT xã Vạn Yên (TTYT h. Mê Linh)	Xã Vạn Yên			4
10	01-P11	TYT xã Chu Phan (TTYT h. Mê Linh)	Xã Chu Phan			4
11	01-P12	TYT xã Tiến Thịnh (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tiến Thịnh			4
12	01-P13	TYT xã Mê Linh (TTYT h. Mê Linh)	Xã Mê Linh			4
13	01-P14	TYT xã Văn Khê (TTYT h. Mê Linh)	Xã Văn Khê			4
14	01-P15	TYT xã Hoàng Kim (TTYT h. Mê Linh)	Xã Hoàng Kim			4
15	01-P16	TYT xã Tiên Phong (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tiên Phong			4
16	01-P17	TYT xã Tráng Việt (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tráng Việt			4
17	01-P18	TYT Thị trấn Chi Đông (TTYT h. Mê Linh)	Thị trấn Chi Đông			4
XXI	HUYỆN ỨNG HÒA					
1	01-155	PKĐKKV Đồng Tân (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đồng Tân, ứng Hoà	2,000		3
2	01-156	PKĐKKV Lưu Hoàng (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Lưu Hoàng, ứng Hoà	2,000		3
3	01-N01	TYT Thị trấn Vân Đình (TTYT h. Ứng Hòa)	Thị trấn Vân Đình			4
4	01-N02	TYT Xã Viên An (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Viên An			4
5	01-N03	TYT Xã Viên Nội (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Viên Nội			4
6	01-N04	TYT Xã Hoa Sơn (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hoa Sơn			4
7	01-N05	TYT Xã Quảng Phú Cầu (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Quảng Phú Cầu			4
8	01-N06	TYT Xã Trường Thịnh (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Trường Thịnh			4
9	01-N07	TYT Xã Cao Thành (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Cao Thành			4
10	01-N08	TYT Xã Liên Bạt (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Liên Bạt			4
11	01-N09	TYT Xã Sơn Công (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Sơn Công			4
12	01-N10	TYT Xã Đồng Tiến (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đồng Tiến			4
13	01-N11	TYT Xã Phương Tú (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Phương Tú			4
14	01-N12	TYT Xã Trung Tú (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Trung Tú			4
15	01-N13	TYT Xã Đồng Tân (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đồng Tân			4
16	01-N14	TYT Xã Tảo Dương Văn (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Tảo Dương Văn			4
17	01-N15	TYT Xã Vạn Thái (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Vạn Thái			4
18	01-N16	TYT Xã Minh Đức (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Minh Đức			4
19	01-N17	TYT Xã Hòa Lâm (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hòa Lâm			4
20	01-N18	TYT Xã Hòa Xá (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hòa Xá			4
21	01-N19	TYT Xã Trầm Lộng (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Trầm Lộng			4

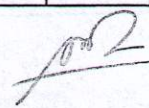
STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
22	01-N20	TYT Xã Kim Đường (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Kim Đường			4
23	01-N21	TYT Xã Hòa Nam (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hòa Nam			4
24	01-N22	TYT Xã Hòa Phú (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hòa Phú			4
25	01-N23	TYT Xã Đội Bình (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đội Bình			4
26	01-N24	TYT Xã Đại Hùng (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đại Hùng			4
27	01-N25	TYT Xã Đông Lỗ (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đông Lỗ			4
28	01-N26	TYT Xã Phù Lưu (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Phù Lưu			4
29	01-N27	TYT Xã Đại Cường (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đại Cường			4
30	01-N28	TYT Xã Lưu Hoàng (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Lưu Hoàng			4
31	01-N29	TYT Xã Hồng Quang (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hồng Quang			4
XXII HUYỆN MỸ ĐỨC						
1	01-825	BVĐK huyện Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa	70,000		3
2	01-188	Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức	Xã Phúc Lâm	16,300	Nhận đối tượng trên 6 tuổi	3
3	01-169	PKĐKKV An Mỹ (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã An Mỹ	5,000		3
4	01-172	PKĐKKV Hương Sơn (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hương Sơn	5,000		3
5	01-N51	TYT Thị trấn Đại Nghĩa (TTYT h. Mỹ Đức)	Thị trấn Đại Nghĩa			4
6	01-N52	TYT Xã Đồng Tâm (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Đồng Tâm			4
7	01-N53	TYT Xã Thượng Lâm (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Thượng Lâm			4
8	01-N54	TYT Xã Tuy Lai (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Tuy Lai			4
9	01-N55	TYT Xã Phúc Lâm (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Phúc Lâm			4
10	01-N56	TYT Xã Mỹ Thành (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Mỹ Thành			4
11	01-N57	TYT Xã Bột Xuyên (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Bột Xuyên			4
12	01-N58	TYT Xã An Mỹ (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã An Mỹ			4
13	01-N59	TYT Xã Hồng Sơn (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hồng Sơn			4
14	01-N60	TYT Xã Lê Thanh (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Lê Thanh			4
15	01-N61	TYT Xã Xuy Xá (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Xuy Xá			4
16	01-N62	TYT Xã Phùng Xá (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Phùng Xá			4
17	01-N63	TYT Xã Phù Lưu Tế (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Phù Lưu Tế			4
18	01-N64	TYT Xã Đại Hưng (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Đại Hưng			4
19	01-N65	TYT Xã Vạn Kim (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Vạn Kim			4
20	01-N66	TYT Xã Đốc Tín (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Đốc Tín			4

như 1002

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
21	01-N67	TYT Xã Hương Sơn (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hương Sơn			4
22	01-N68	TYT Xã Hùng Tiến (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hùng Tiến			4
23	01-N69	TYT Xã An Tiến (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã An Tiến			4
24	01-N70	TYT Xã Hợp Tiến (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hợp Tiến			4
25	01-N71	TYT Xã Hợp Thanh (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hợp Thanh			4
26	01-N72	TYT Xã An Phú (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã An Phú			4
XXIII HUYỆN HOÀI ĐỨC						
1	01-824	BVĐK huyện Hoài Đức	Thị trấn Trôi	120,000		2
2	01-199	PKĐKKV Ngãi Cầu (TTYT h. Hoài Đức)	Xã An Khánh	10,000		3
3	01-183	PKĐK Nguyễn Trọng Thọ *	Xã Sơn Đồng	2,000		3
4	01-J51	TYT Thị trấn Trạm Trôi (TTYT h. Hoài Đức)	Thị trấn Trạm Trôi			4
5	01-J52	TYT Xã Đức Thượng (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Đức Thượng			4
6	01-J53	TYT Xã Minh Khai (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Minh Khai			4
7	01-J54	TYT Xã Dương Liễu (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Dương Liễu			4
8	01-J55	TYT Xã Di Trạch (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Di Trạch			4
9	01-J56	TYT Xã Đức Giang (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Đức Giang			4
10	01-J57	TYT Xã Cát Quế (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Cát Quế			4
11	01-J58	TYT Xã Kim Chung (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Kim Chung			4
12	01-J59	TYT Xã Yên Sở (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Yên Sở			4
13	01-J60	TYT Xã Sơn Đồng (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Sơn Đồng			4
14	01-J61	TYT Xã Vân Canh (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Vân Canh			4
15	01-J62	TYT Xã Đắc Sở (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Đắc Sở			4
16	01-J63	TYT Xã Lại Yên (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Lại Yên			4
17	01-J64	TYT Xã Tiền Yên (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Tiền Yên			4
18	01-J65	TYT Xã Song Phương (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Song Phương			4
19	01-J66	TYT Xã An Khánh (TTYT h. Hoài Đức)	Xã An Khánh			4
20	01-J67	TYT Xã An Thượng (TTYT h. Hoài Đức)	Xã An Thượng			4
21	01-J68	TYT Xã Vân Cồn (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Vân Cồn			4
22	01-J69	TYT Xã La Phù (TTYT h. Hoài Đức)	Xã La Phù			4
23	01-J70	TYT Xã Đông La (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Đông La			4
XXIV HUYỆN ĐAN PHƯỢNG						
1	01-820	BVĐK huyện Đan Phượng	Thị trấn Phùng	120,000		2

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
2	01-839	PKĐKKV Liên Hồng (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Liên Hồng	3,000		3
3	01-J01	TYT Thị trấn Phùng (TTYT h. Đan Phượng)	Thị trấn Phùng			4
4	01-J02	TYT Xã Trung Châu (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Trung Châu			4
5	01-J03	TYT Xã Thọ An (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Thọ An			4
6	01-J04	TYT Xã Thọ Xuân (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Thọ Xuân			4
7	01-J05	TYT Xã Hồng Hà (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Hồng Hà			4
8	01-J07	TYT Xã Liên Hà (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Liên Hà			4
9	01-J08	TYT Xã Hạ Mỗ (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Hạ Mỗ			4
10	01-J09	TYT Xã Liên Trung (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Liên Trung			4
11	01-J10	TYT Xã Phương Đình (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Phương Đình			4
12	01-J11	TYT Xã Thượng Mỗ (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Thượng Mỗ			4
13	01-J12	TYT Xã Tân Hội (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Tân Hội			4
14	01-J13	TYT Xã Tân Lập (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Tân Lập			4
15	01-J14	TYT Xã Đan Phượng (TTYT Đan Phượng)	Xã Đan Phượng			4
16	01-J15	TYT Xã Đồng Tháp (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Đồng Tháp			4
17	01-J16	TYT Xã Song Phượng (TTYT Đan Phượng)	Xã Song Phượng			4
XXV HUYỆN PHÚ XUYỀN						
1	01-821	BVĐK huyện Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên	80,000		2
2	01-200	PKĐKKV Tri Thủy (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Tri Thủy	5,000		3
3	01-M51	TYT Thị trấn Phú Minh (TTYT h. Phú Xuyên)	Thị trấn Phú Minh			4
4	01-M52	TYT Thị trấn Phú Xuyên (TTYT h. Phú Xuyên)	Thị trấn Phú Xuyên			4
5	01-M53	TYT Xã Hồng Minh (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Hồng Minh			4
6	01-M54	TYT Xã Phương Dục (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Phương Dục			4
7	01-M55	TYT Xã Văn Nhân (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Văn Nhân			4
8	01-M56	TYT Xã Thụy Phú (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Thụy Phú			4
9	01-M57	TYT Xã Tri Trung (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Tri Trung			4
10	01-M58	TYT Xã Đại Thắng (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Đại Thắng			4
11	01-M59	TYT Xã Phú Túc (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Phú Túc			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
12	01-M60	TYT Xã Văn Hoàng (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Văn Hoàng			4
13	01-M61	TYT Xã Hồng Thái (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Hồng Thái			4
14	01-M62	TYT Xã Hoàng Long (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Hoàng Long			4
15	01-M63	TYT Xã Quang Trung (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Quang Trung			4
16	01-M64	TYT Xã Nam Phong (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Nam Phong			4
17	01-M65	TYT Xã Nam Triều (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Nam Triều			4
18	01-M66	TYT Xã Tân Dân (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Tân Dân			4
19	01-M67	TYT Xã Sơn Hà (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Sơn Hà			4
20	01-M68	TYT Xã Chuyên Mỹ (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Chuyên Mỹ			4
21	01-M69	TYT Xã Khai Thái (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Khai Thái			4
22	01-M70	TYT Xã Phúc Tiến (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Phúc Tiến			4
23	01-M71	TYT Xã Vân Từ (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Vân Từ			4
24	01-M73	TYT Xã Đại Xuyên (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Đại Xuyên			4
25	01-M74	TYT Xã Phú Yên (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Phú Yên			4
26	01-M75	TYT Xã Bạch Hạ (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Bạch Hạ			4
27	01-M76	TYT Xã Quang Lãng (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Quang Lãng			4
28	01-M77	TYT Xã Châu Can (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Châu Can			4
29	01-M78	TYT Xã Minh Tân (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Minh Tân			4
XXVI	HUYỆN BA VÌ					
1	01-822	BVĐK huyện Ba Vì	Xã Đồng Thái	130,000		2
2	01-209	PKĐKKV Minh Quang (TTYT h. Ba Vì)	Xã Minh Quang	5,000		3
3	01-210	PKĐKKV Bất Bạt (TTYT h. Ba Vì)	Xã Sơn Đà	2,000		3
4	01-211	PKĐKKV Tân Lĩnh (TTYT h. Ba Vì)	Xã Tân Lĩnh	10,000		3
5	01-225	PKĐK Quảng Tây*	Thị trấn Tây Đằng	4,400		3
6	01-I01	TYT Thị trấn Tây Đằng (TTYT h. Ba Vì)	Thị trấn Tây Đằng			4
7	01-I03	TYT Xã Phú Cường (TTYT h. Ba Vì)	Xã Phú Cường			4
8	01-I04	TYT Xã Cổ Đô (TTYT h. Ba Vì)	Xã Cổ Đô			4
9	01-I05	TYT Xã Tân Hồng (TTYT h. Ba Vì)	Xã Tân Hồng			4
10	01-I06	TYT Xã Vạn Thắng (TTYT h. Ba Vì)	Xã Vạn Thắng			4
11	01-I07	TYT Xã Châu Sơn (TTYT h. Ba Vì)	Xã Châu Sơn			4
12	01-I08	TYT Xã Phong Vân (TTYT h. Ba Vì)	Xã Phong Vân			4
13	01-I09	TYT Xã Phú Đông (TTYT h. Ba Vì)	Xã Phú Đông			4
14	01-I10	TYT Xã Phú Phương (TTYT h. Ba Vì)	Xã Phú Phương			4
15	01-I11	TYT Xã Phú Châu (TTYT h. Ba Vì)	Xã Phú Châu			4

nh 

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
16	01-I12	TYT Xã Thái Hòa (TTYT h. Ba Vì)	Xã Thái Hòa			4
17	01-I13	TYT Xã Đồng Thái (TTYT h. Ba Vì)	Xã Đồng Thái			4
18	01-I14	TYT Xã Phú Sơn (TTYT h. Ba Vì)	Xã Phú Sơn			4
19	01-I15	TYT Xã Minh Châu (TTYT h. Ba Vì)	Xã Minh Châu			4
20	01-I16	TYT Xã Vật Lại (TTYT h. Ba Vì)	Xã Vật Lại			4
21	01-I17	TYT Xã Chu Minh (TTYT h. Ba Vì)	Xã Chu Minh			4
22	01-I18	TYT Xã Tòng Bạt (TTYT h. Ba Vì)	Xã Tòng Bạt			4
23	01-I19	TYT Xã Cẩm Lĩnh (TTYT h. Ba Vì)	Xã Cẩm Lĩnh			4
24	01-I20	TYT Xã Sơn Đà (TTYT h. Ba Vì)	Xã Sơn Đà			4
25	01-I21	TYT Xã Đông Quang (TTYT h. Ba Vì)	Xã Đông Quang			4
26	01-I22	TYT Xã Tiên Phong (TTYT h. Ba Vì)	Xã Tiên Phong			4
27	01-I23	TYT Xã Thụy An (TTYT h. Ba Vì)	Xã Thụy An			4
28	01-I24	TYT Xã Cam Thượng (TTYT h. Ba Vì)	Xã Cam Thượng			4
29	01-I25	TYT Xã Thuần Mỹ (TTYT h. Ba Vì)	Xã Thuần Mỹ			4
30	01-I26	TYT Xã Tân Lĩnh (TTYT h. Ba Vì)	Xã Tân Lĩnh			4
31	01-I27	TYT Xã Ba Trại (TTYT h. Ba Vì)	Xã Ba Trại			4
32	01-I28	TYT Xã Minh Quang (TTYT h. Ba Vì)	Xã Minh Quang			4
33	01-I29	TYT Xã Ba Vì (TTYT h. Ba Vì)	Xã Ba Vì			4
34	01-I30	TYT Xã Vân Hòa (TTYT h. Ba Vì)	Xã Vân Hòa			4
35	01-I31	TYT Xã Yên Bái (TTYT h. Ba Vì)	Xã Yên Bái			4
36	01-I32	TYT Xã Khánh Thượng (TTYT h. Ba Vì)	Xã Khánh Thượng			4
XXVII HUYỆN PHÚC THỌ						
1	01-826	BVĐK huyện Phúc Thọ	Thị trấn Phúc Thọ	70,000		3
2	01-037	PKĐK Ngọc Tảo (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Ngọc Tảo	700		3
3	01-I51	TYT Thị trấn Phúc Thọ (TTYT h. Phúc Thọ)	Thị trấn Phúc Thọ			4
4	01-I52	TYT Xã Vân Hà (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Vân Hà			4
5	01-I53	TYT Xã Vân Phúc (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Vân Phúc			4
6	01-I54	TYT Xã Vân Nam (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Vân Nam			4
7	01-I55	TYT Xã Xuân Phú (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Xuân Phú			4
8	01-I56	TYT Xã Phương Độ (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Phương Độ			4
9	01-I57	TYT Xã Sen Chiểu (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Sen Chiểu			4
10	01-I58	TYT Xã Cẩm Đình (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Cẩm Đình			4
11	01-I59	TYT Xã Võng Xuyên (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Võng Xuyên			4
12	01-I60	TYT Xã Thọ Lộc (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Thọ Lộc			4
13	01-I61	TYT Xã Long Xuyên (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Long Xuyên			4
14	01-I62	TYT Xã Thượng Cốc (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Thượng Cốc			4
15	01-I63	TYT Xã Hát Môn (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Hát Môn			4
16	01-I64	TYT Xã Tích Giang (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Tích Giang			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
17	01-I65	TYT Xã Thanh Đa (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Thanh Đa			4
18	01-I66	TYT Xã Trạch Mỹ Lộc (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Trạch Mỹ Lộc			4
19	01-I67	TYT Xã Phúc Hòa (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Phúc Hòa			4
20	01-I68	TYT Xã Ngọc Tảo (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Ngọc Tảo			4
21	01-I69	TYT Xã Phụng Thượng (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Phụng Thượng			4
22	01-I70	TYT Xã Tam Thuấn (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Tam Thuấn			4
23	01-I71	TYT Xã Tam Hiệp (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Tam Hiệp			4
24	01-I72	TYT Xã Hiệp Thuận (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Hiệp Thuận			4
25	01-I73	TYT Xã Liên Hiệp (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Liên Hiệp			4
XXVIII HUYỆN QUỐC OAI						
1	01-827	BVĐK huyện Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai	70,000		2
2	01-212	PKĐKKV Hoà Thạch (TTYT h. Quốc Oai)	xã Hoà Thạch	5,000		3
3	01-K01	TYT Thị trấn Quốc Oai (TTYT h. Quốc Oai)	Thị trấn Quốc Oai			4
4	01-K02	TYT Xã Sài Sơn (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Sài Sơn			4
5	01-K03	TYT Xã Phượng Cách (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Phượng Cách			4
6	01-K04	TYT Xã Yên Sơn (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Yên Sơn			4
7	01-K05	TYT Xã Ngọc Liệp (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Ngọc Liệp			4
8	01-K06	TYT Xã Ngọc Mỹ (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Ngọc Mỹ			4
9	01-K07	TYT Xã Liệp Tuyết (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Liệp Tuyết			4
10	01-K08	TYT Xã Thạch Thán (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Thạch Thán			4
11	01-K09	TYT Xã Đồng Quang (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Đồng Quang			4
12	01-K10	TYT Xã Phú Cát (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Phú Cát			4
13	01-K11	TYT Xã Tuyết Nghĩa (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Tuyết Nghĩa			4
14	01-K12	TYT Xã Nghĩa Hương (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Nghĩa Hương			4
15	01-K13	TYT Xã Cộng Hòa (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Cộng Hòa			4
16	01-K14	TYT Xã Tân Phú (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Tân Phú			4
17	01-K15	TYT Xã Đại Thành (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Đại Thành			4
18	01-K16	TYT Xã Phú Mãn (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Phú Mãn			4
19	01-K17	TYT Xã Cấn Hữu (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Cấn Hữu			4
20	01-K18	TYT Xã Tân Hòa (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Tân Hòa			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
21	01-K19	TYT Xã Hòa Thạch (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Hòa Thạch			4
22	01-K20	TYT Xã Đông Yên (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Đông Yên			4
23	01-K21	TYT Xã Đông Xuân (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Đông Xuân			4
XXIX	HUYỆN THẠCH THẮT					
1	01-828	BVĐK huyện Thạch Thát	Xã Kim Quan	120,000		2
2	01-213	Phòng khám đa khoa Yên Bình	Xã Yên Bình	2,000		3
3	01-K51	TYT Thị trấn Liên Quan (TTYT Thạch Thát)	Thị trấn Liên Quan			4
4	01-K52	TYT Xã Đại Đồng (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Đại Đồng			4
5	01-K53	TYT Xã Cẩm Yên (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Cẩm Yên			4
6	01-K54	TYT Xã Lại Thượng (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Lại Thượng			4
7	01-K55	TYT Xã Phú Kim (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Phú Kim			4
8	01-K56	TYT Xã Hương Ngải (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Hương Ngải			4
9	01-K57	TYT Xã Canh Nậu (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Canh Nậu			4
10	01-K58	TYT Xã Kim Quan (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Kim Quan			4
11	01-K59	TYT Xã Dị Nậu (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Dị Nậu			4
12	01-K60	TYT Xã Bình Yên (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Bình Yên			4
13	01-K61	TYT Xã Chàng Sơn (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Chàng Sơn			4
14	01-K62	TYT Xã Thạch Hoà (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Thạch Hoà			4
15	01-K63	TYT Xã Cần Kiệm (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Cần Kiệm			4
16	01-K64	TYT Xã Hữu Bằng (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Hữu Bằng			4
17	01-K65	TYT Xã Phùng Xá (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Phùng Xá			4
18	01-K66	TYT Xã Tân Xã (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Tân Xã			4
19	01-K67	TYT Xã Thạch Xá (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Thạch Xá			4
20	01-K68	TYT Xã Bình Phú (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Bình Phú			4
21	01-K69	TYT Xã Hạ Bằng (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Hạ Bằng			4
22	01-K70	TYT Xã Đồng Trúc (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Đồng Trúc			4
23	01-K71	TYT Xã Tiến Xuân (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Tiến Xuân			4
24	01-K72	TYT Xã Yên Bình (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Yên Bình			4
25	01-K73	TYT Xã Yên Trung (TTYT h. Thạch Thát)	Xã Yên Trung			4

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
XXX	HUYỆN THANH OAI					
1	01-829	BVĐK huyện Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài	120.000		2
2	01-048	PKĐKKV Dân Hòa (TTYT h. Thanh Oai)	Dân Hòa	2.000		3
3	01-L51	TYT Thị trấn Kim Bài (TTYT h. Thanh Oai)	Thị trấn Kim Bài			4
4	01-L52	TYT Xã Cự Khê (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Cự Khê			4
5	01-L53	TYT Xã Bích Hòa (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Bích Hòa			4
6	01-L54	TYT Xã Mỹ Hưng (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Mỹ Hưng			4
7	01-L55	TYT Xã Cao Viên (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Cao Viên			4
8	01-L56	TYT Xã Bình Minh (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Bình Minh			4
9	01-L57	TYT Xã Tam Hưng (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Tam Hưng			4
10	01-L58	TYT Xã Thanh Cao (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Thanh Cao			4
11	01-L59	TYT Xã Thanh Thùy (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Thanh Thùy			4
12	01-L60	TYT Xã Thanh Mai (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Thanh Mai			4
13	01-L61	TYT Xã Thanh Văn (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Thanh Văn			4
14	01-L62	TYT Xã Đỗ Động (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Đỗ Động			4
15	01-L63	TYT Xã Kim An (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Kim An			4
16	01-L64	TYT Xã Kim Thư (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Kim Thư			4
17	01-L65	TYT Xã Phương Trung (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Phương Trung			4
18	01-L66	TYT Xã Tân Ước (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Tân Ước			4
19	01-L68	TYT Xã Liên Châu (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Liên Châu			4
20	01-L69	TYT Xã Cao Dương (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Cao Dương			4
21	01-L70	TYT Xã Xuân Dương (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Xuân Dương			4
22	01-L71	TYT Xã Hồng Dương (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Hồng Dương			4
23	01-969	PKĐK Y Dược 198	Thị trấn Kim Bài	300		3

- Phòng khám đa khoa viết tắt là: PKĐK
- Trung tâm y tế viết tắt là: TTYT
- Trạm y tế viết tắt là: TYT
- Cơ sở KCB BHYT tư nhân: đánh dấu *

nh *am2*

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KCB BHYT BAN ĐÀU

TUYÊN THÀNH PHỐ, TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn Liên ngành số 5701/HD-YT-BHXH ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Sở Y tế và BHXH TP Hà Nội)

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
I		3	4	5	6	7
I	QUẬN HOÀNG MAI					
1	01-019	Viện Y học cổ truyền Quân đội	442 Kim Giang, Hoàng Mai	64,600	nhận đối tượng trên 6 tuổi	1
2	01-009	Bệnh viện Bưu Điện (Bộ Bưu Chính viễn thông)	Phố Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai	60,100		1
II	QUẬN ĐỒNG ĐA					
1	01-912	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	49 Thái Thịnh, Đống Đa	27,300		1
2	01-004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	192 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa	130,000		2
3	01-061	Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp	16 Ngõ 183 Đặng Tiến Đông, Đống Đa	26,500		1
4	01-925	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	1a. Phương mai, Đống Đa, Hà Nội	5,000	Người cao tuổi mắc bệnh Parkinson, Alzheimer	1
III	QUẬN BA ĐÌNH					
1	01-015	Bệnh viện Quân Y 354	120 Đốc Ngữ - Ba Đình	72,400	nhận đối tượng trên 15 tuổi	1
2	01-056	Bệnh viện đa khoa Hồ Nai (cơ sở 1)	17 - 34 Hoè nai, Ba đình	37,900		2
3	01-072	Bệnh viện đa khoa Hồ Nai (cơ sở 2)	số 34 ngõ 53 Tân ấp, Phúc Xá	4,000	nhận đối tượng trên 15 tuổi	2
4	01-003	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	12 Chu Văn An, Ba Đình	225,500		1
IV	QUẬN CẦU GIẤY					
1	01-007	Bệnh viện E	89 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy	123,500		1
2	01-043	Bệnh viện 198	Phố Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy	100,700	nhận đối tượng trên 15 tuổi	1
3	01-028	Bệnh viện đa khoa YHCT Hà Nội	Số 6-8 Phạm Hùng, Mai Dịch	168,000		2
V	QUẬN HAI BÀ TRUNG					
1	01-014	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Số 1 Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng	119,600		đặc biệt
2	01-001	Bệnh viện Hữu Nghị	Số 1 Trần Khánh Dư, Hai Bà Trưng	50,000	nhận đối tượng có đủ tiêu chuẩn theo Hướng dẫn số 52HD/BTCTW ngày 02/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng	1
3	01-047	Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương	29 Nguyễn Bình Khiêm, Hai Bà Trưng	42,600		1
4	01-006	Bệnh viện Thanh Nhân	42 Thanh Nhân, Hai Bà Trưng	165,600		1
5	01-065	Bệnh viện Dệt May	454 Minh Khai, Hai Bà Trưng	39,200	nhận đối tượng trên 6 tuổi	2
6	01-161	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec*	458 Minh Khai - Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng	40,200		2

như sau

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Địa chỉ	Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2020	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện
VI QUẬN HOÀN KIẾM						
1	01-005	Bệnh viện Việt Nam-Cu Ba	37 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm	100,800		2
VII QUẬN THANH XUÂN						
1	01-018	Viện Y học Phòng không - không quân	225 Trường Chinh, Thanh Xuân	61,100	nhận đối tượng trên 15 tuổi	2
2	01-055	Bệnh viện Xây dựng	Nguyễn Quý Đức, Thanh Xuân	75,000		1
3	01-087	Bệnh viện Than - Khoáng sản	Số 1 Phan Đình Giót, Phương Liệt, T.Xuân	7,900	nhận đối tượng trên 15 tuổi	2
4	01-062	Bệnh viện YHCT Bộ Công An	Đường Lương Thế Vinh	81,900	nhận đối tượng trên 15 tuổi	1
VIII QUẬN LONG BIÊN						
1	01-025	Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Đức Giang, Long Biên	152,300		1
2	01-086	TTYT Hàng không	Sân bay Gia Lâm	10,800		2
IX QUẬN TÂY HỒ						
1	01-075	Bệnh viện Tim Hà Nội (cơ sở 2)	Ngõ 603 Lạc Long Quân	28,800		1
2	01-139	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Thu Cúc *	Số 286 Thụy Khuê, phường Bưởi	41,000		2
X QUẬN HÀ ĐÔNG						
1	01-016	Bệnh viện 103	261 Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội	81,100		1
2	01-816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Bé Văn Đàn, Quang Trung, Hà Đông	123,000		1
3	01-935	Bệnh viện YHCT Hà Đông	99 Nguyễn Viết Xuân	32,000		2
4	01-060	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	số 2 Trần Phú	41,400		2
XI QUẬN BẮC TỪ LIÊM						
1	01-071	Bệnh viện Nam Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, Từ Liêm	41,000		2
XII QUẬN NAM TỪ LIÊM						
1	01-097	Bệnh viện Thể thao Việt Nam	Tân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm	37,800	Nhận đối tượng trên 6 tuổi	2
XIII THỊ XÃ SƠN TÂY						
1	01-819	Bệnh viện 105	Phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây	65,800	Nhận đối tượng trên 6 tuổi	1
2	01-831	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	234 Lê Lợi, thị xã Sơn Tây	70,000		2
XIV HUYỆN ĐÔNG ANH						
1	01-031	Bệnh viện đa khoa Đông Anh	Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh	115,000		2
2	01-077	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh	70,000		2
3	01-049	PKĐK cơ sở 2 BV Nam Thăng Long	Xã Hải Bối	13,000		2
XV HUYỆN SÓC SƠN						
1	01-032	Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	Miếu Thờ, Tiên Dược, Sóc Sơn	56,200		2
XVI HUYỆN THANH TRÌ						
1	01-013	Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp	Xã Ngọc Hồi - Thanh Trì	88,300		1
2	01-029	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì	Thị trấn Văn Điển	65,000		2
XVII HUYỆN ỨNG HOÀ						
1	01-817	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	Thị trấn Văn Đình, ứng Hoà	85,000		2

Phụ lục số 03
DANH SÁCH CƠ SỞ KHÁM, CHỮA BỆNH BHYT BAN ĐẦU DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN
ĐƯỢC QUẢN LÝ, BẢO VỆ SỨC KHỎE CÁN BỘ CỦA THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn Liên ngành số 5.7.91/HD-YT-BHXX ngày 26 tháng 12 năm 2019
của Sở Y tế và BHXH TP Hà Nội)

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Địa chỉ
1	01-002	Phòng khám A thuộc BVĐK Xanh Pôn	Tầng 2 - 59B Trần Phú, Ba Đình
2	01-849	Phòng khám A thuộc BVĐK Thanh Nhân	Khu khám bệnh BV Thanh Nhân
3	01-818	Phòng khám A thuộc BVĐK Đống Đa	Tầng 2 Khu khám bệnh BVĐK Đống Đa
4	01-848	Phòng khám A thuộc BVĐK Đức Giang	Khu khám bệnh BVĐK Đức Giang
5	01-850	Phòng khám A thuộc BVĐK Sơn Tây	BVĐK Sơn Tây, 234 Lê Lợi, thị xã Sơn Tây
6	01-854	Phòng khám A thuộc BVĐK Đông Anh	Khoa HSCC BVĐK Đông Anh
7	01-853	Phòng khám A thuộc BVĐK Sóc Sơn	Khoa nội BVĐK Sóc Sơn
8	01-852	Phòng khám A thuộc BVĐK Thanh Trì	Khu khám bệnh BVĐK Thanh Trì
9	01-857	Phòng khám A thuộc BVĐK huyện Mê Linh	Tại BVĐK huyện Mê Linh
10	01-851	Phòng khám A thuộc BVĐK Văn Đình	BVĐK Văn Đình, Thị trấn Văn Đình
11	01-858	Phòng khám A thuộc BVĐK huyện Ba Vì	Bệnh viện ĐK huyện Ba Vì
12	01-859	Phòng khám A thuộc BVĐK Hà Đông	Bệnh viện ĐK Hà Đông
13	01-860	Phòng khám A thuộc BVĐK huyện Thường Tín	Bệnh viện ĐK huyện Thường Tín
14	01-861	Phòng khám A thuộc BVĐK huyện Phú Xuyên	Bệnh viện ĐK huyện Phú Xuyên
15	01-862	Phòng khám A thuộc BVĐK huyện Đan Phượng	Bệnh viện ĐK huyện Đan Phượng
16	01-863	Phòng khám A thuộc BVĐK YHCT Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội
17	01-864	Phòng khám A thuộc BVĐK Huyện Gia Lâm	Bệnh viện ĐK huyện Gia Lâm

nhv

Phụ lục 04
DANH SÁCH Y TẾ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TRƯỜNG HỌC
NHẬN ĐĂNG KÝ KCB BHYT BAN ĐẦU

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn Liên ngành số 5.19A/HD-YT-BHXH ngày ... 26/12/2019 của Sở Y tế và BHXH TP Hà Nội)

STT	Mã KCB	Tên phòng khám	Địa chỉ	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu
I QUẬN ĐÔNG ĐA				
1	01-110	YTCQ Đại học Y Hà Nội	Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
3	01-245	Bệnh xá Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động	28 Mai Anh Tuấn, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	Cán bộ nhân viên
4	01-117	YTCQ Bệnh viện Bạch Mai	79 Đường Giải phóng	Cán bộ nhân viên
II QUẬN BA ĐÌNH				
1	01-131	YTCQ Văn phòng Đài truyền hình Việt Nam	43 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa	Cán bộ nhân viên
2	01-127	YTCQ Công ty TNHH 1 thành viên Môi trường đô thị Hà Nội	31 B Sơn Tây Ba, Ba Đình	Cán bộ nhân viên
3	01-137	PKDK các cơ quan Đảng ở Trung ương thuộc Cục quản trị A- Văn phòng Trung ương Đảng	74, 78 Phan Đình Phùng, Ba Đình	Các đơn vị đóng trên địa bàn (Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch đầu tư, Viện Nghiên cứu và quản lý kinh tế TW, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam, Ủy ban dân tộc miền núi,...)
III QUẬN CẦU GIẤY				
1	01-334	PYT Đại học Giao thông vận tải	Láng Thượng, Đống Đa	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
2	01-143	TTYT Học viện Chính trị Hành chính QG HCM	135 Nguyễn Phong Sắc - Cầu Giấy	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
3	01-388	Học viện kỹ thuật quân sự	100 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội	Học sinh, sinh viên
4	01-138	YTCQ Văn phòng Viện Hàn Lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy	Cán bộ nhân viên
IV QUẬN HAI BÀ TRUNG				
1	01-108	YTCQ Đại học Kinh tế quốc dân	207 đường Giải phóng - Hai Bà Trưng	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
2	01-114	YTCQ Đại học Xây dựng Hà Nội	55 Giải Phóng, Hai Bà Trưng	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
3	01-116	TTYT Đại học Bách Khoa Hà Nội	Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
4	01-106	YTCQ Cty TNHHNN 1 thành viên thoát nước Hà Nội	95 Vân Hồ 3, Hai Bà Trưng	Cán bộ nhân viên
5	01-101	YTCQ Công ty cổ phần Dệt 10-10	9/253 Minh Khai, Hai Bà Trưng	Cán bộ nhân viên
V QUẬN HOÀN KIẾM				
1	01-109	YTCQ Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD (Khách sạn Melia)	44B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm	Cán bộ nhân viên
2	01-113	YTCQ Công ty Điện lực TP Hà Nội	69 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm	Cán bộ nhân viên
3	01-121	YTCQ Viễn thông Hà Nội	75 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm	Cán bộ nhân viên
4	01-123	YTCQ Cty TNHH LDKS Thống Nhất Metropole Hà Nội	15 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm	Cán bộ nhân viên
VI QUẬN THANH XUÂN				
1	01-050	YTCQ Công ty TNHH 1 thành viên Thuốc lá Thăng Long	Nguyễn Trãi, Thanh Xuân	Cán bộ nhân viên
VII QUẬN LONG BIÊN				
1	01-151	YTCQ Công ty cổ phần May Đức Giang	59 Đức Giang - Long Biên	Cán bộ nhân viên
2	01-152	PKDK Tổng Công ty May 10- CTCP	Phường Sài Đồng, Long Biên	Cán bộ nhân viên



nhu *002*

STT	Mã KCB	Tên phòng khám	Địa chỉ	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu
3	01-176	YTCQ Công ty TNHH hệ thống dây SUMI-HANEL	Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên	Cán bộ nhân viên
VIII QUẬN HÀ ĐÔNG				
1	01-179	PKĐK thuộc TT Thực hành KCB - Trường Cao đẳng y tế Hà Đông	39 Nguyễn Viết Xuân, Quang Trung, Hà Nội	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
2	98-309	Bệnh xá Học viện An ninh nhân dân	125 đường Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	Cán bộ chiến sỹ, học viên
3	01-252	Bệnh viện Công an Thành phố Hà Nội	Số 9 đường Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	Cán bộ chiến sỹ Công an thành phố Hà Nội
IX HUYỆN GIA LÂM				
1	01-157	YTCQ Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
X HUYỆN CHƯƠNG MỸ				
1	01-204	YTCQ Trường Đại học Lâm Nghiệp	Thị trấn Xuân Mai-Chương Mỹ	Cán bộ nhân viên, Học sinh, sinh viên
XI HUYỆN THƯỜNG TÍN				
1	01-938	YTCQ Bệnh Viện Tâm thần Trung ương	Xã Hòa Bình, Thường Tín	Cán bộ nhân viên
2	01-203	YTCQ Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Hà Nội	Vân Tào, Thường Tín, Hà Nội	Cán bộ nhân viên
XII HUYỆN ĐÔNG ANH				
1	01-164	YTCQ Công ty TNHH 1 thành viên xây lắp điện 4	Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh	Cán bộ nhân viên
2	01-166	YTCQ Công ty Cổ phần chế tạo thiết bị điện Đông Anh	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh	Cán bộ nhân viên

ph 2